

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 167/2024/DS-PT

Ngày: 21/3/2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp
hụi và hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải.**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Thanh Bình;**
Bà **Lâm Ngọc Tuyên.**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Chí Thành** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà **Hà Ngọc Thu Trúc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 87/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Y**, sinh năm 1965; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Huỳnh Thanh S**, sinh năm 1990; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 15/02/2024)

2. Bị đơn:

- Anh **Tô Thanh H**, sinh năm 1986; (vắng mặt)

- Chị **Tô Thị Hồng L**, sinh năm 1985; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn **Tô Thanh H**, **Tô Thị Hồng L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Y trình bày:

Bà Y là chủ thảo hụi nhưng giấy hụi ghi theo tên chồng là Tám L1, vợ chồng L, H có tham gia 01 dây hụi do bà làm chủ thảo. Cụ thể:

Hụi 5.000.000 đồng. Hụi khai vào ngày 15/02/2021 AL, hụi 02 tháng khai 01 lần. Hụi có 26 phần, vợ chồng L, H tham gia 01 phần. Vợ chồng L, H đóng được 11 lần hụi sống thì hốt hụi, bà đã giao hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi, vợ chồng Linh H không đóng hụi chết nên bà phải choàng hụi với số tiền 70.000.000 đồng.

Bà Y có tham gia hụi do chị L làm chủ thảo, cụ thể:

Hụi 3.000.000 đồng, hụi khai vào ngày 20/01/2020AL, hụi mỗi tháng khai 01 lần. Hụi có 25 phần, bà Y tham gia 01 phần và hốt hụi vào kỳ thứ 23 được 64.500.000 đồng nhưng chị L chưa giao hụi cho bà.

Ngoài ra vào ngày 04/6/2021AL (13/7/2021DL), vợ chồng L, H có vay của bà số tiền 70.000.000 đồng. Thời hạn trả 02 tháng. Lãi suất thỏa thuận 3%/tháng nhưng từ khi vay đến nay chưa trả lãi. Đến hạn, bà có yêu cầu vợ chồng L, H trả lại cho bà nhưng chị L, anh H không trả.

Nay bà yêu cầu chị Tô Thị Hồng L và anh Tô Thanh H liên đới trả cho bà số tiền hụi là 134.500.000 đồng và tiền vay là 70.000.000 đồng và lãi suất trên số tiền vay 70.000.000 đồng tính từ ngày 04/7/2021AL (11/8/2021DL) đến khi xét xử sơ thẩm. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Y không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn.

* Tại bản khai bị đơn Tô Thanh H trình bày:

Anh H và chị L là vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng khoảng 05 năm nay anh và chị L có mâu thuẫn nhau nên tách ra làm ăn riêng không ai can thiệp đến cuộc sống của ai. Anh H khẳng định việc chơi hụi và vay tiền giữa bà Y và chị L, anh hoàn toàn không biết và đây là nợ riêng của chị L. Phần nợ vay ngày 04/6/2021 do chị L ký nhận anh H không biết khoản nợ này nên không đồng ý liên đới cùng chị L trả cho bà Y.

*Tại bản khai bị đơn Tô Thị Hồng L trình bày:

Chị L có tham gia hụi do bà Y làm chủ thảo, hụi 5.000.000 đồng, hụi khai ngày 15/2/2021, hụi có 26 phần, chị L tham gia 01 phần. Chị L hốt hụi kỳ thứ 12, bà Y đã giao đủ tiền hụi. Sau khi hốt hụi chị đã đóng đủ tiền hụi chết. Dây hụi này chị L không thiếu tiền bà Y.

Bà Y có tham gia hụi do chị L làm chủ thảo, hụi 3.000.000 đồng, hụi khai vào ngày 20/01/2020AL. Hụi mỗi tháng khai 01 lần. Hụi có 25 phần, bà Y tham gia 01 phần. Bà Y hốt hụi vào kỳ thứ 23 được số tiền 64.500.000 đồng nhưng kỳ bà Y hốt hụi thì hụi bị bể nên chị L chưa giao hụi, chị L đồng ý trả số tiền vốn gốc là 46.290.000 đồng.

Ngày 04/6/2021, chị L có vay của bà Y 70.000.000 đồng, do thời điểm này chị gặp khó khăn về tài chính, cần tiền sử dụng nên chị có hỏi vay bà Y 70.000.000 đồng để sử dụng. Mục đích vay để chàng hụi. Về lãi suất: 10 ngày chị L phải trả lãi suất cho bà Y 2.800.000 đồng, một tháng chị L phải góp 8.400.000 đồng tiền lãi suất cho bà Y, chị L đã đóng tiền lãi suất cho bà Y 17 lần. Tổng cộng chị đã đóng cho bà Y với số tiền lãi là 76.100.000 đồng. Chị L yêu cầu cân trừ số tiền 76.100.000 đồng vào nợ gốc 70.000.000 đồng. Chị L đồng ý trả lãi theo quy định nhà nước trên số tiền 70.000.000 đồng từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm là 14.942.000 đồng.

Như vậy, chị L còn nợ bà Y tổng số tiền nợ là 46.290.000 đồng tiền hụi + 14.942.000 đồng lãi suất = 61.232.000 đồng. Chị L xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu trả sau khi bản án có hiệu lực cho đến khi kết thúc nợ. Đây là nợ riêng của chị không đồng ý liên đới cùng anh H.

* Tại phiên tòa, bà Y thay đổi yêu cầu khởi kiện bà Y rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi 70.000.000 đồng (phần hụi 5.000.000 đồng do bà Y làm chủ thảo). Bà yêu cầu chị L và anh H liên đới trả cho bà số tiền hụi 64.500.000 đồng và tiền vay là 70.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền 70.000.000 đồng tính từ tháng 7/2021AL đến khi xét xử sơ thẩm. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* **Bản án dân sự sơ thẩm số:** 114/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào:

Điều 357, 471, Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39. Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biên, phường.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Y.

1. Buộc chị Tô Thị Hồng L và anh Tô Thanh H liên đới trả cho bà Võ Thị Y tổng số tiền là 164.131.000 đồng gồm 64.500.000 đồng nợ hụi và 99.631.000 đồng nợ vay (gồm 70.000.000 đồng nợ gốc và 29.631.000 đồng lãi suất). Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị L và anh H chậm thi hành thì còn phải chịu thêm lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Võ Thị Y, yêu cầu chị L và anh H trả số tiền hui 70.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của chị Tô Thị Hồng L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09 tháng 10 năm 2023, bị đơn Tô Thanh H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý việc anh có trách nhiệm liên đới với chị L trả nợ cho bà Y.

Ngày 09 tháng 10 năm 2023, bị đơn Tô Thị Hồng L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, chỉ chấp nhận trả nợ hui và vay cho bà Y với số tiền tổng cộng là 61.232.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Tô Thị Hồng L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Nguyễn Huỳnh Thanh S là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Tô Thị Hồng L và Tô Thanh H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Y 164.131.000 đồng gồm (nợ hui 64.500.000 đồng, nợ vay 70.000.000 đồng và 29.631.000 đồng tiền lãi). Và không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Tô Thị Hồng L là cản trừ số tiền lãi 76.100.000 đồng chị đã trả cho bà Y vào nợ vay 70.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L rút một phần yêu cầu kháng cáo về phần nợ hui, chị đồng ý trả bà Y 64.500.000 đồng nợ hui như án sơ thẩm xử nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm phần yêu cầu kháng cáo này của chị L. Về nợ vay, chị L yêu cầu khấu trừ 76.100.000 đồng chị đã trả cho bà Y nhưng bà Y không chấp nhận còn chị không chứng minh được có trả cho bà Y tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo này của chị L.

Đối với anh H kháng cáo nhưng được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vắng mặt không lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của anh H.

Về phần quyết định án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Y số tiền hui 70.000.000 đồng nhưng không ghi hậu quả pháp lý của việc đình chỉ là thiếu sót đề nghị cấp phúc thẩm bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe các đương sự trình bày ý kiến và tranh luận. Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị đơn Tô Thanh H và Tô Thị Hồng L thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm. Nguyên đơn ủy quyền cho anh Nguyễn Huỳnh Thanh S đại diện tham gia tố tụng, việc ủy quyền được thực hiện theo Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Tô Thanh H được Tòa phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 BLTTDS xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản là đúng với tính chất của vụ án. Các tranh chấp này thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo quy định tại Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự và Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 64.500.000 đồng tiền hụi do chị L làm chủ hụi nhưng không giao hụi cho bà Y đã hốt và buộc chị L, anh H phải đóng 70.000.000 đồng tiền hụi chết do bà Y làm chủ nhưng sau khi hốt thì không đóng hụi chết cho bà. Đồng thời yêu cầu chị L, anh H phải trả 70.000.000 đồng tiền nợ vay cùng lãi suất tính từ ngày vay 04/7/2021 AL đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Y thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Xin rút lại yêu cầu đòi chị L, anh H trả cho bà 70.000.000 đồng tiền hụi chết do bà làm chủ hụi.

[3.2] Bị đơn Tô Thị Hồng L trình bày: Chị có tham gia một phần dây hụi 5.000.000 đồng do bà Y làm chủ hụi. Hụi có 26 phần, chị hốt hụi kỳ thứ 12. Sau khi hốt hụi chị đã đóng hụi chết đầy đủ đến khi mãn hụi nên không còn nợ bà Y.

Đối với dây hụi 3.000.000 đồng do chị L làm chủ hụi, hụi có 25 phần. Bà Y tham gia 01 phần, hốt hụi kỳ khai hụi thứ 23 được 64.500.000 đồng nhưng do hụi bị bể nên chị chưa giao hụi cho bà Y, nay chị đồng ý trả vốn gốc cho bà Y 46.290.000 đồng.

Ngày 04/6/2021 chị có vay của bà Y 70.000.000 đồng lãi suất 10 ngày bằng 2.800.000 đồng, một tháng góp 8.400.000 đồng. Chị đã đóng lãi được 17 kỳ, tổng cộng là 76.100.000 đồng.

Ngày 03/7/2023 chị L có đơn phản tố với nội dung: Chị đồng ý trả cho bà Y 70.000.000 đồng vốn vay và 21.042.000 đồng tiền lãi. Nhưng yêu cầu bà Y phải trả lại chị 76.100.000 đồng tiền lãi chị đã đóng cho bà Y. (BL 33-34)

[3.3] Bị đơn Tô Thanh H trình bày: Anh là chồng chị L nhưng do có mâu thuẫn nên đã tách ra làm ăn riêng khoảng 05 năm nay, không ai can thiệp vào cuộc sống của ai. Anh khẳng định hoàn toàn không biết việc chị L chơi hụi và vay tiền của bà Y nên không đồng ý liên đới cùng chị L trả nợ cho bà Y.

Án sơ thẩm xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y. Buộc chị L, anh H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Y 164.131.000 đồng tiền vay và tiền nợ hụi nhưng chị L và anh H đều không đồng ý nên kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Tô Thị Hồng L nhận thấy:

Tại bản tường trình (BL 27), bản tự khai (BL 33), biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm (BL 50, 51, 66) chị L đều thừa nhận:

Về nợ vay: Vào ngày 04/6/2021 chị có vay của bà Võ Thị Y số tiền 70.000.000 đồng nhưng cho rằng sau khi vay chị trả lãi suất cho bà Y mỗi tháng 8.400.000 đồng (tương đương 12%/ tháng). Chị đã trả lãi được 17 lần tổng cộng 76.100.000 đồng.

Tuy nhiên suốt quá trình giải quyết vụ án bà Y không thừa nhận chị L có trả lãi số tiền vay như chị L trình bày. Còn chị L cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh chị có trả lãi cho bà Y đối với khoản tiền 70.000.000 đồng chị đã vay của bà Y. Vì các giấy tờ chị L nộp nói trả lãi cho bà Y (từ bút lục 30 đến 32) với nhiều con số nhưng không có từ nào ghi đóng lãi mà chỉ ghi “đóng hụi”.

Về lãi suất: Nguyên đơn Võ Thị Y khai lãi suất cho vay theo thỏa thuận 3%/ tháng. Còn chị L khai lãi suất chị phải trả cho bà Y 8.400.000 đồng/ tháng có nghĩa tương ứng với 12%/ tháng. Xét thấy bà Y và chị L đều khai cho vay có lãi nhưng mức lãi suất hai bên nêu ra đều vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Cụ thể là Điều 468 của BLDS quy định:

Lãi suất do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay (tương đương 1,66%/ tháng). Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Do đó Tòa sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 1,66%/ tháng theo yêu cầu của bà Y là ngày 04/7/2021 AL (tức ngày 11/8/2021 DL) đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2023 bằng 25 tháng 15 ngày để buộc chị L phải trả tiền lãi cho bà Y 29.631.000 đồng (70.000.000 đồng x 1,66% x 25,5 tháng = 29.631.000 đồng) là có căn cứ đúng pháp luật.

Về nợ tiền hụi: Chị L thừa nhận bà Y có tham gia một phần hụi 3.000.000 đồng do chị làm chủ. Hụi có 25 phần bà Y hốt hụi kỳ thứ 23 được 64.500.000 đồng nhưng chị chưa giao tiền cho bà Y. Vì hụi bể nên chị xin trả vốn gốc cho bà Y số tiền 46.290.000 đồng nhưng bà Y không chấp nhận cho chị L trả vốn gốc nên án sơ thẩm xử buộc chị L trả cho bà Y tiền nợ hụi 64.500.000 đồng là

có cơ sở. Chị L kháng cáo xin trả nợ dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của bà Y đồng ý và chị L cũng không cung cấp, bổ sung tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét chấp nhận được. Cần phải giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Tô Thanh H nhận thấy:

Anh H là chồng chị L có đăng ký kết hôn ngày 28/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (BL 29). Đến nay hôn nhân anh, chị vẫn còn tồn tại nhưng anh H cho rằng do anh, chị mâu thuẫn nên tách ra làm ăn riêng không can thiệp vào cuộc sống của nhau nên anh không đồng ý liên đới nghĩa vụ trả nợ với chị L.

Mặc dù anh H không trực tiếp tham gia làm chủ hụi với chị L và không ký tên vào giấy vay tiền của bà Y nhưng chị L khai số tiền chơi hụi và vay của bà Y chị tiêu xài sinh hoạt trong gia đình, choàng tiền hụi do chị làm chủ và để nuôi 03 đứa con chung với anh H ăn học nên Tòa sơ thẩm xử buộc anh H có nghĩa vụ liên đới với chị L trả nợ vay và nợ hụi cho bà Y là có căn cứ. Vì theo khoản 1, khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 của luật này. 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của luật này”. Khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng yêu cầu thiết yếu của gia đình” và tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ, chồng là nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”. Do đó anh H phải có nghĩa vụ liên đới với chị L trả nợ cho bà Y như án sơ thẩm xử là đúng quy định của pháp luật nhưng anh H kháng cáo. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập anh H họp lệ lần thứ hai dự phiên Tòa phúc thẩm nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do xem như anh H từ bỏ yêu cầu kháng cáo nên Tòa phúc thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu kháng cáo của anh H. Tiền tạm ứng án phí của anh H được xung vào công quỹ.

Các phần khác của án sơ thẩm xử đúng pháp luật không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

[6] Về án phí: Anh H, chị L phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Tòa sơ thẩm tính án phí DSST buộc chị L, anh H phải chịu 8.231.500 đồng là không đúng với danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 mà phải là 8.206.550 đồng nên cần điều chỉnh lại cho đúng.

Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đúng quan điểm của Tòa án được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của anh Tô Thanh H.

Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của chị Tô Thị Hồng L về tiền hụi chị phải trả cho bà Y như án sơ thẩm đã xử là đúng nên chị xin rút.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Tô Thị Hồng L. Sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 114/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 148, 218, 244, 288, 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 166, 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị định 19/NĐ- CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biên, phường;

Căn cứ vào khoản 2, khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Y.

Buộc chị Tô Thị Hồng L và anh Tô Thanh H liên đới trả cho bà Võ Thị Y tổng số tiền là 164.131.000 đồng gồm: 64.500.000 đồng nợ hụi và 99.631.000 đồng nợ vay (gồm 70.000.000 đồng nợ gốc và 29.631.000 đồng lãi suất).

Kể từ ngày bà Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị L và anh H chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Võ Thị Y, yêu cầu chị L và anh H trả số tiền hụi 70.000.000 đồng. Bà Y được quyền khởi kiện lại đối với phần yêu cầu đã rút theo luật định.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Tô Thị Hồng L đòi bà Võ Thị Y phải trả lại chị 76.100.000 đồng tiền lãi chị đã trả dư cho bà Võ Thị Y.

4. Về án phí: Chị Tô Thị Hồng L và anh Tô Thanh H phải chịu 8.206.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Và chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0012043 ngày 10/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, chị L đã nộp xong án phí DSPT.

Xung vào công quỹ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số 0012069 ngày 16/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Chị Tô Thị Hồng L phải chịu 3.805.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận nhưng được trừ vào số tiền 1.902.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020177 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang. Chị L phải nộp tiếp số tiền 1.903.000 đồng.

Bà Võ Thị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Y số tiền 5.763.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003413 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Hoàng Khải